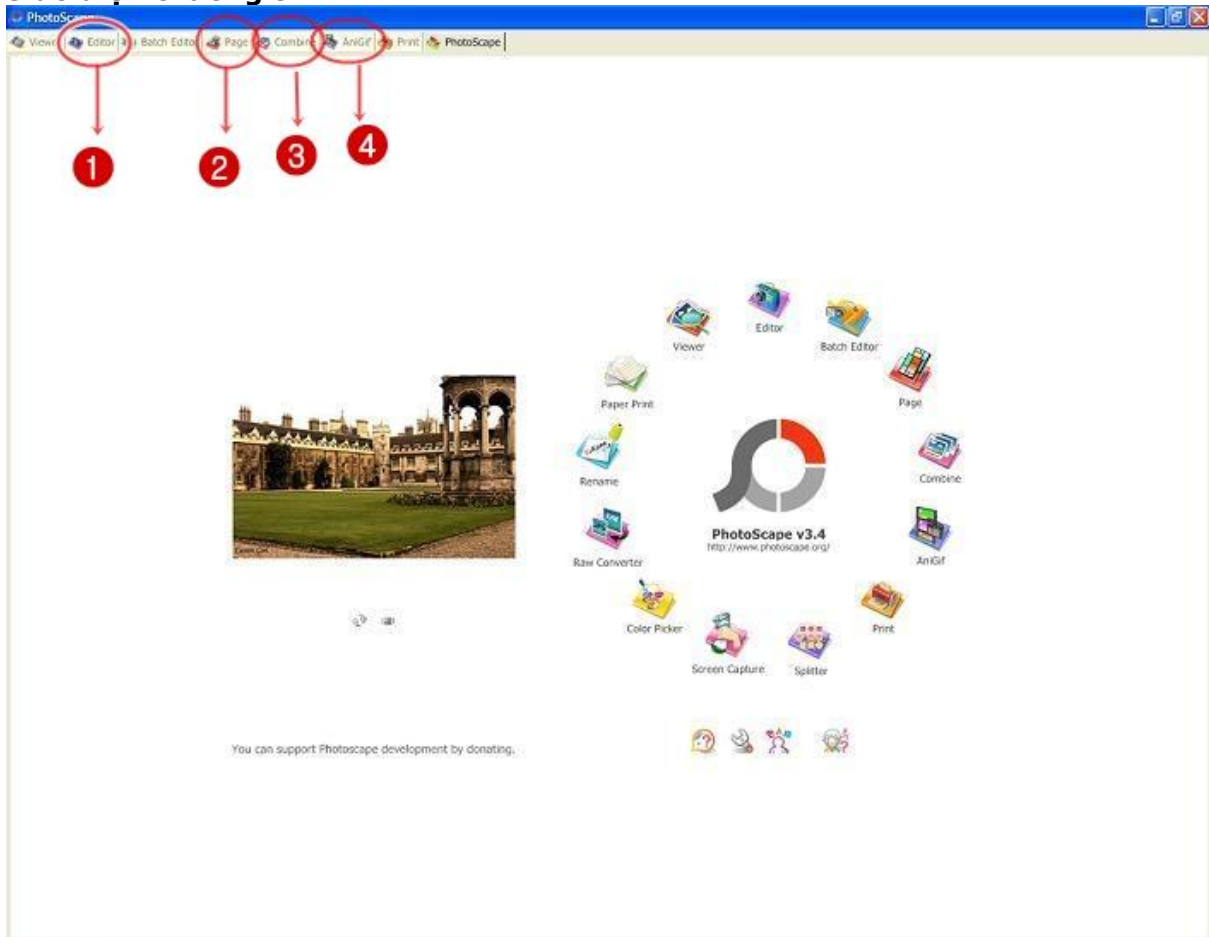


### A. Tải về và cài đặt

**Tải về:** <http://www.photoscape.org/ps/main/download.php> (16,5MB)

**Cài đặt:** Next → I Agree → Next → Next → Next → Finish

**Giao diện chương trình:**



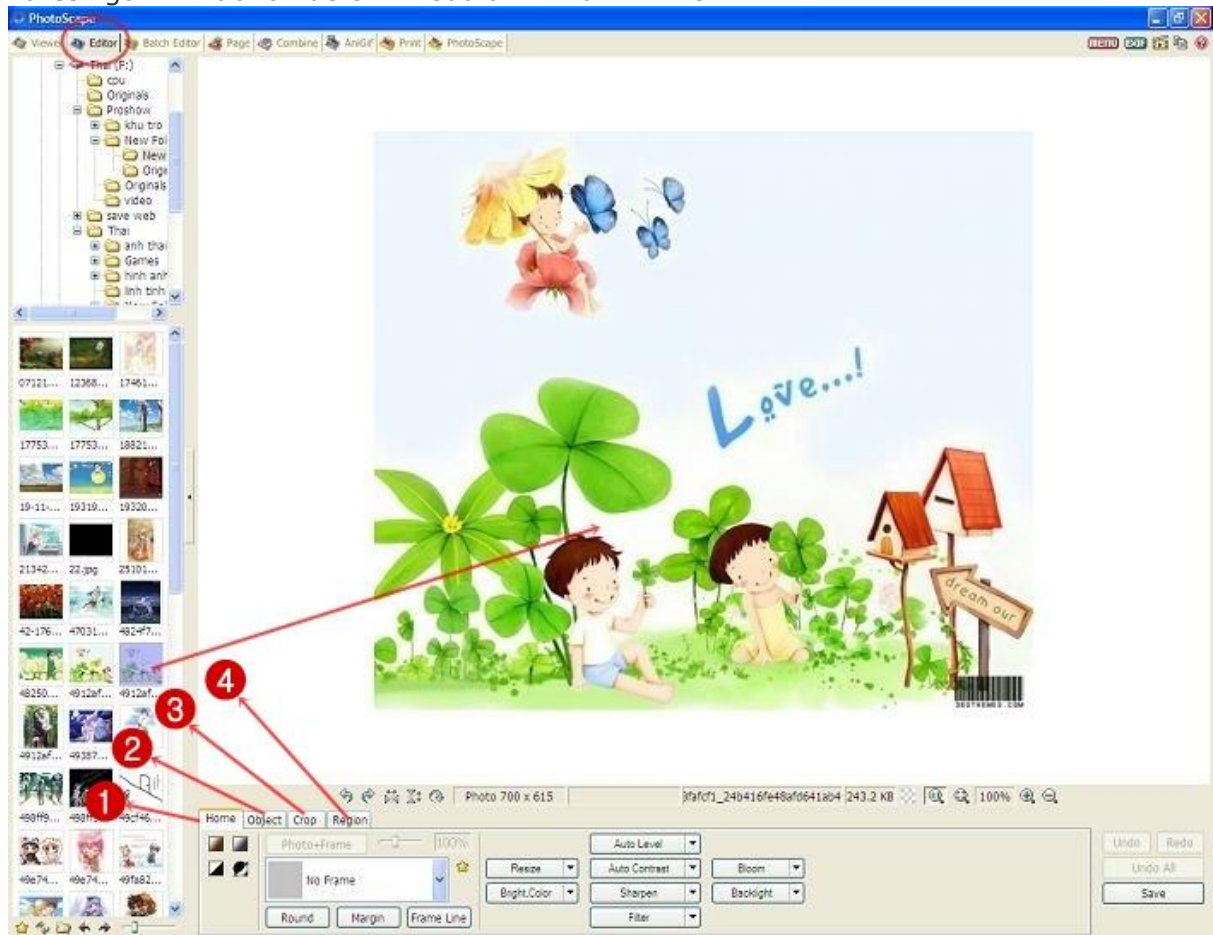
Giao diện **PhotoScape** có nhiều ứng dụng xếp xung quanh LOGO nhưng có 4 ứng dụng quan trọng đó là:

1. **Editor**: Chính sửa ảnh
2. **Page**: Phối hợp các ảnh, có vạch ngăn cách với các mẫu có sẵn
3. **Combine**: Ghép các ảnh, không có vạch ngăn cách
4. **AniGif**: Tạo ảnh động (\*.gif)

## B. Sử dụng

### I. Editor: Chỉnh sửa ảnh

**Editor** gồm 4 Tab lớn để chỉnh sửa ảnh như hình vẽ:



#### 1. Tab: Home

Phần chỉnh sửa màu sắc, độ sáng, kích cỡ và các hiệu ứng khác cho ảnh



Chức năng của các số thứ tự trong hình:

#### (1) **Rotate**: Xoay hình và gồm 2 tab:

1. **Tab Rotate**: Xoay hình bằng cách trượt thanh trượt sang trái hoặc sang phải. Khung "**Overflow Method**" sẽ giúp bạn bổ sung phần bị khuyết khi xoay ảnh nhưng tùy chọn Repeat là hay nhất. Check box "Keep the original size" giúp bạn giữ nguyên kích thước gốc khi thao tác.

2. **Tab Level Off**: Cũng là xoay ảnh nhưng mức độ nhẹ hơn Rotate. Khi xoay, ảnh sẽ tự phóng to lên để loại bỏ phần bị khuyết do xoay ảnh. Chính lẽ đó sẽ không xoay dc nhiều.

#### (2) Tạo **Sepia** cho hình

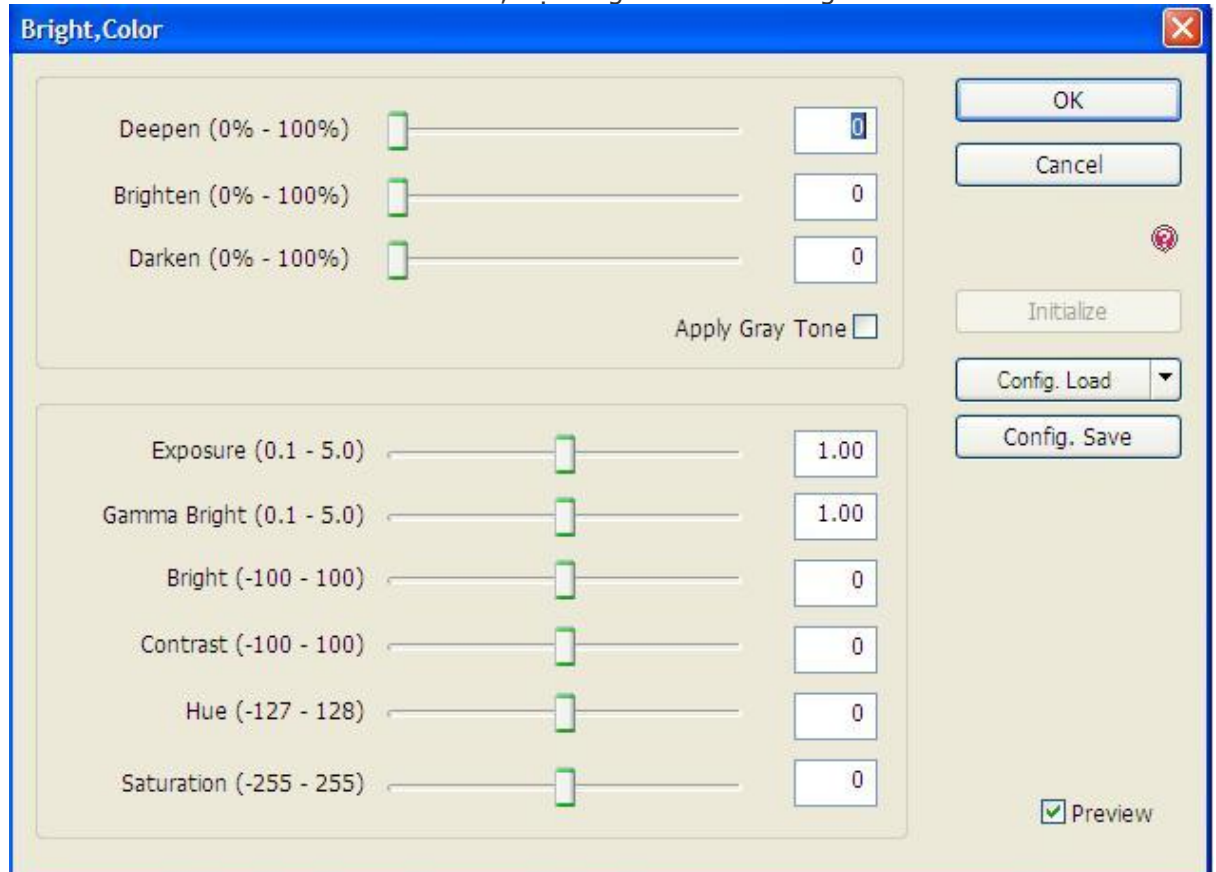
#### (3) Tạo trắng đen cho hình

#### (4) Làm hình về màu trắng và một màu đơn sắc bất kì

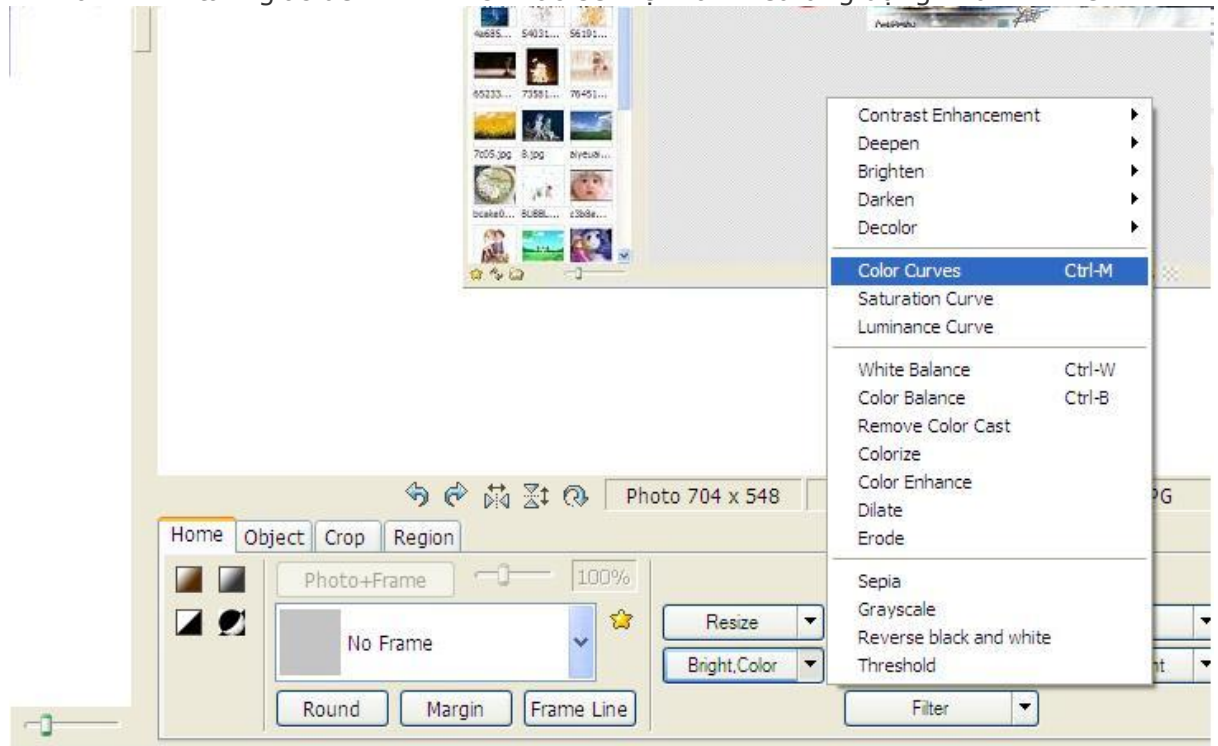
#### (5) Màu âm bản

Chức năng của các nút trong hình:

1. **Photo + Frame:** Tạo khung ảnh cho hình
2. **Round:** Bo tròn góc cho hình
3. **Margin:** Tạo khoảng cách từ hình tới các lề
4. **Frame Line:** Tạo khung cho hình nhưng dưới dạng đường thẳng
5. **Resize:** Điều chỉnh kích thước hình. Tại nút này gồm 2 phần:
  1. Phần "có chữ": điều chỉnh hình theo kích thước mình muốn.
  2. Phần "hình tam giác đen": điều chỉnh theo kích thước mặc định của PhotoScape.
6. **Bright, Color:** Tùy chỉnh độ sáng và màu sắc cho ảnh. Tại nút này gồm 2 phần như trong hình
  1. Phần có chữ : Điều chỉnh màu sắc, độ sáng hình ảnh đơn giản.

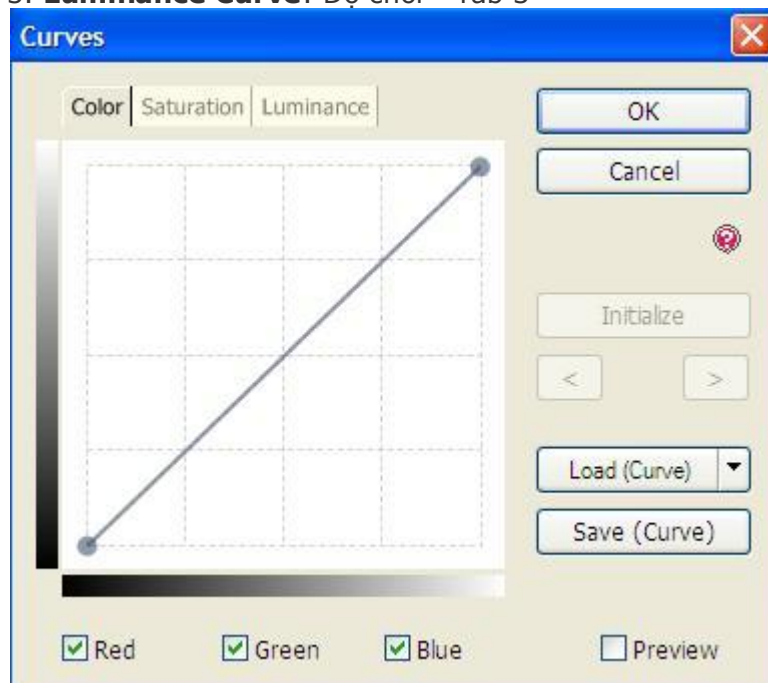


2. Phần "hình tam giác đen": Khi kích vào sẽ hiện ra nhiều ứng dụng như hình vẽ



Các hiệu ứng đáng quan tâm nhất ở phần này là :

1. **Color Curves:** Điều chỉnh màu sắc theo ý mình qua biểu đồ - Tab 1
2. **Saturation Curve:** Điều chỉnh độ sắc nét - Tab 2
3. **Luminance Curve:** Độ chói - Tab 3



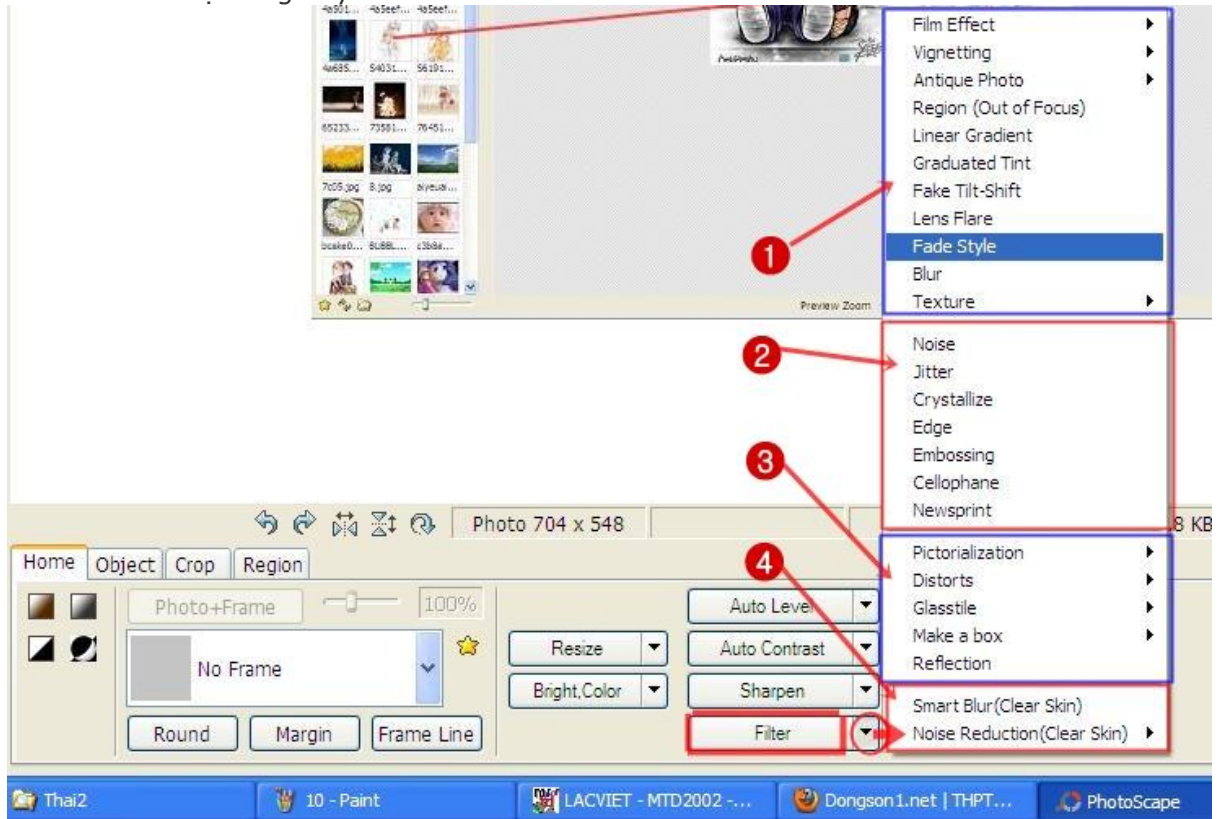
4. **Remove Color Cast:** Điều chỉnh màu sắc chủ đạo
5. **Colorize:** Điều chỉnh màu sắc chủ đạo
6. **Dilate:** Làm mờ các đường nét của hình
7. **Erode:** Làm đậm đường nét



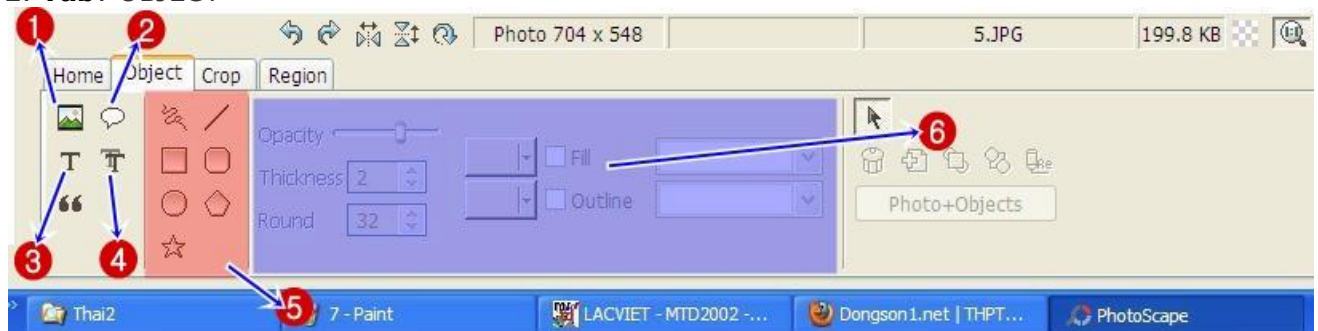
7. **Auto Level** : Tự động cân bằng chất lượng hình
8. **Auto Contrast** : Tự động cân bằng sự tương phản màu sắc trong hình
9. **Sharpen**: Làm hình được sắc nét hơn
10. **Filter** : Điều chỉnh các hiệu ứng của ảnh, phần này rất quan trọng

Các ứng dụng được chia làm 4 nhóm như trong hình:

(1),(2),(3),(4) → Nào là điều chỉnh độ tương phản, làm cũ hình (**Antique Photo**), làm mờ hình (**Blur**) , tạo sự tập chung của ảnh ở một khoảng nhất định (**Region**) và rất nhiều hiệu ứng hay khác.



11. **Bloom**: Tính năng này tạo sự nhoà ra của ảnh (nhoà sáng)
12. **Backlight**: Tuỳ chỉnh độ sáng bối cảnh của ảnh
2. **Tab: OBJECT**

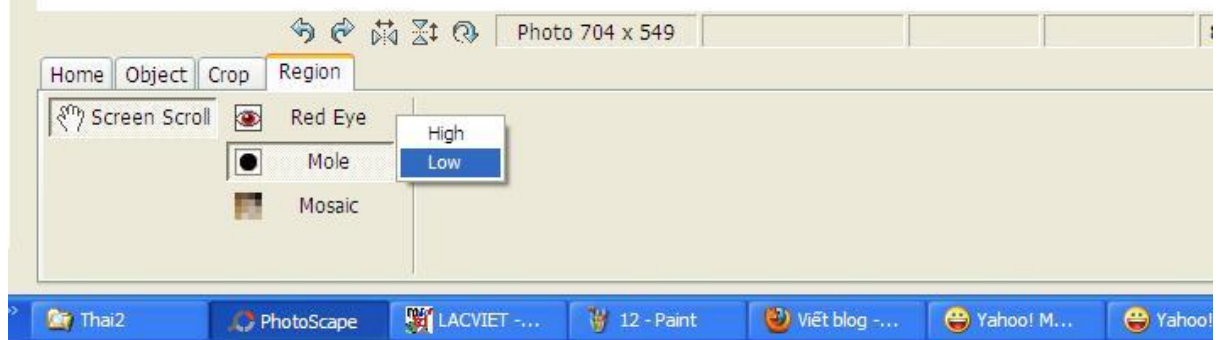


- (1) Chèn hình, biểu tượng vào trong hình cần sửa
- (2) Chèn khung đối thoại
- (3) Nhập vào một đoạn văn bản cho hình
- (4) Khung soạn thảo một đoạn văn bản
- (5) Cho phép vẽ đường thẳng và các loại hình
- (6) Tùy chọn hiển thị các dạng đường thẳng và hình cần vẽ như làm mờ, tăng độ đậm màu, đường viền...

### 3. **Tab: CROP (CẮT)**

- Quét chuột vào vùng muốn cắt để sử dụng sau đó nhấn **CROP**
- Chọn tỉ lệ cắt qua mục **CROP FLEELY**
- Chuyển chế độ cắt hình khối sang hình hình tròn bằng cách tích vào nút **CROP ROUNDLY**

#### 4. Tab: REGION



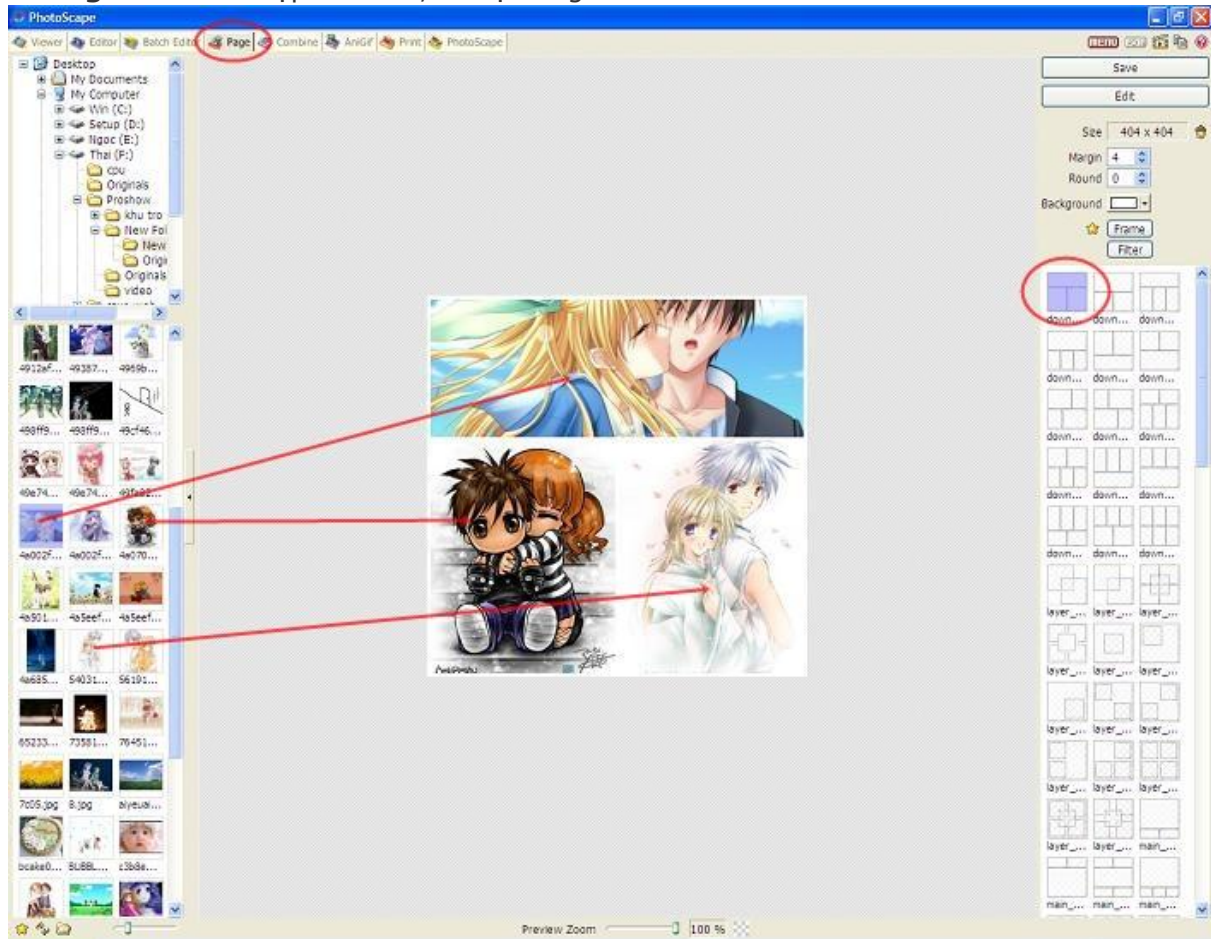
- **Red Eye:** Khử mắt đỏ.

- **Mole:** Tạo vùng màu mịn như màu nền. Cái này xóa mụn cực kì hiệu quả .



- **Mosaic:** Giống như mấy cái hiệu ứng che khuôn mặt hay dùng trên báo. Ba ứng dụng này khi sử dụng chỉ cần quét chuột lên vùng cần sửa.

## II. **Page**: Phối kết hợp các ảnh, có vạch ngăn cách với các mẫu có sẵn

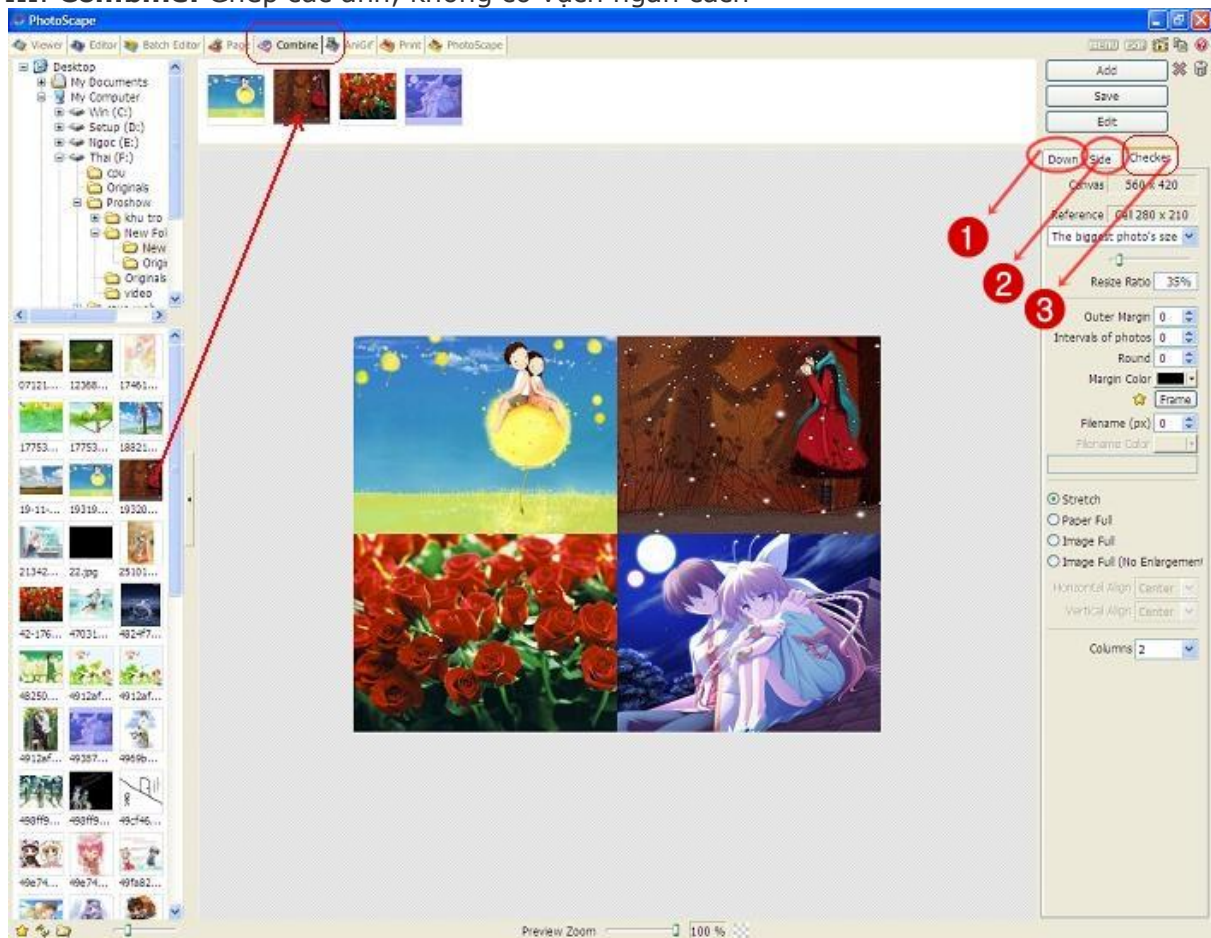


Cột trái gồm các tính năng:

- **Hình hạt dẻ nằm sau Size**: Dùng xác định kích thước và tỉ lệ cho ảnh.
- **Margin**: Canh lề (4 hướng).
- **Round**: Tạo góc bo tròn (tính trên từng ảnh).
- **Background**: Màu của viền.
- **Filter**: Bộ lọc màu cho ảnh.
- **Frame**: Tạo khung ảnh cho hình (tính trên từng tấm nhưng mang tính hàng loạt) và khi dùng tính năng này thì tính năng **Round** ở trên sẽ bị vô hiệu hoá



### III. **Combine:** Ghép các ảnh, không có vạch ngăn cách



Có 3 Tab:

(1) **Tab Down:** Sẽ cho hình ảnh (ví dụ lấy 4 hình) xếp theo một dọc từ trên xuống

- **Outer Margin:** Khoảng cách từ hình (tất cả hình) với lề bao ngoài

- **Intervals of photos:** Khoảng cách giữa các hình (chỗ đường nối ảnh)

- **Round:** Tạo góc bo tròn (tính trên từng ảnh)

- **Frame:** Tạo khung ảnh cho hình (tính trên từng tấm nhưng mang tính hàng loạt) và khi dùng tính năng này thì tính năng Round ở trên sẽ bị vô hiệu hoá

(2) **Tab Side:** Sẽ cho hình ảnh (ví dụ lấy 4 hình) xếp theo một hàng ngang từ trái qua phải

Các tính năng tương tự Tab **Down**

(3) **Tab Checker:** Sẽ cho ảnh xếp theo dạng CARO (hàng,cột)

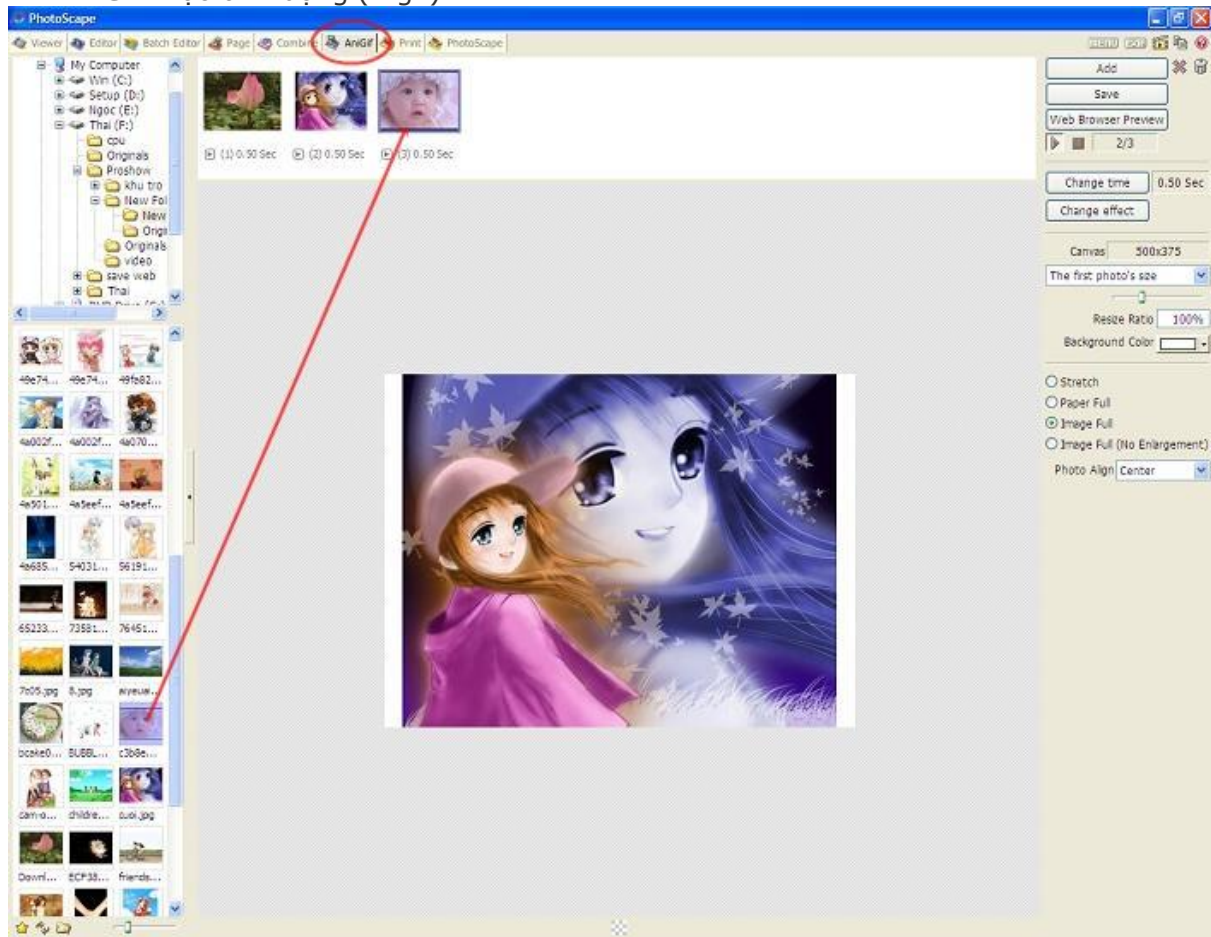
- **Horizontal Align:** Canh lề ngang

- **Vertical Align:** Canh lề dọc

- **Columns:** Số xuống để chọn số cột muốn hiển thị



#### IV. AniGif: Tạo ảnh động (\*.gif)



**Khuyến dùng:** Nên chọn ảnh có kích thước bằng nhau (bằng cả rộng và cao).

Cột phải có các tính năng:

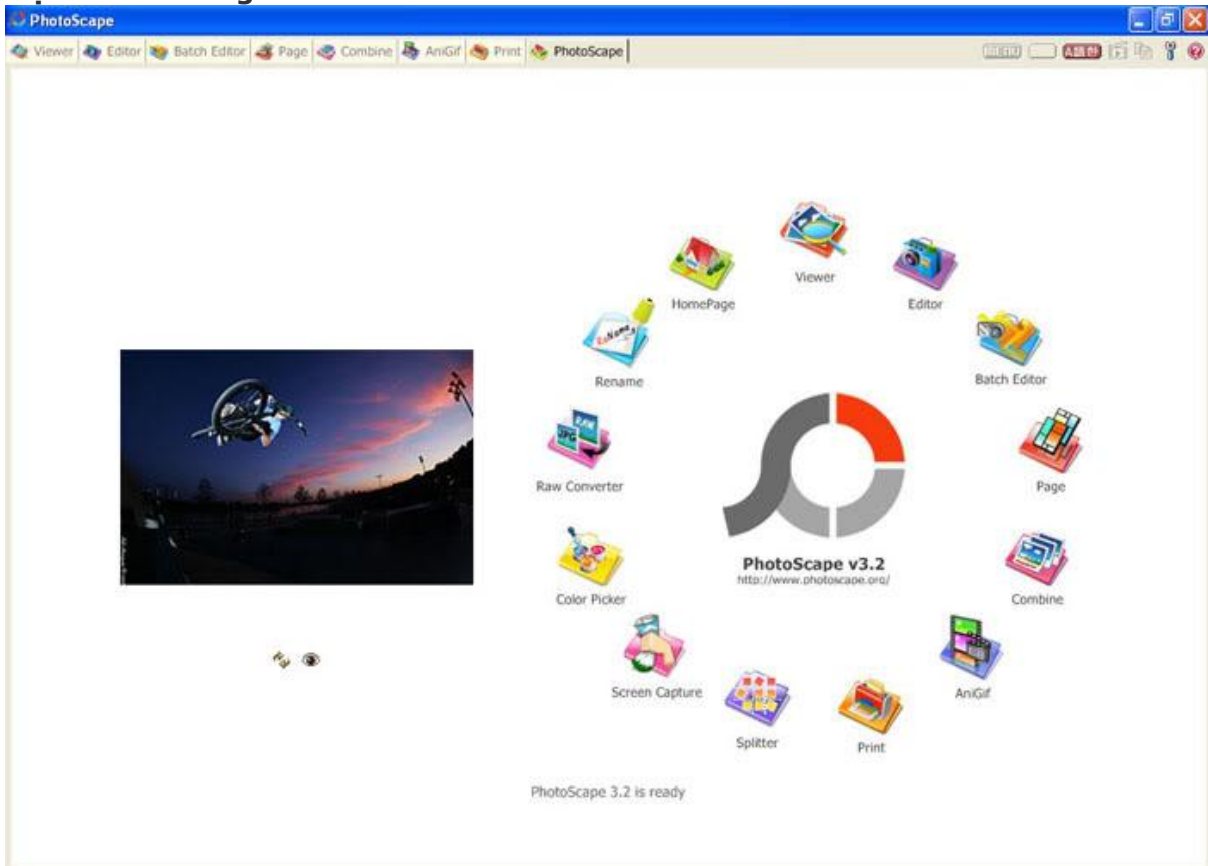
1. Nút **Play** (hình tam giác mũi nhọn hướng về bên phải): Chạy chế độ chuyển ảnh
2. Nút **Stop** (hình ô vuông): Ngừng chế độ chuyển ảnh
3. Bên phải nút **Stop** cho biết số ảnh được chọn và đang đứng ở (đang chuyển tới) ảnh thứ mấy
4. **Change Time**: Thay đổi thời gian chuyển ảnh. Cứ 100 đơn vị là bằng 1 giây.
5. **Change Effect**: Hiệu ứng chuyển ảnh.
  - **No Transit Effect**: Không hiệu ứng
  - **Move up the current frame to transit the next frame**: Ảnh tiếp theo sẽ chạy từ dưới lên thay cho ảnh trước.
  - **Move down the current frame to transit the next frame**: Ảnh tiếp theo sẽ chạy từ trên xuống thay cho ảnh trước.
  - **Move left the current frame to transit the next frame**: Ảnh tiếp theo sẽ chạy từ phải qua thay cho ảnh trước.
  - **Move right the current frame to transit the next frame**: Ảnh tiếp theo sẽ chạy từ trái qua thay cho ảnh trước.
  - **Transit the current frame to background color**: Ảnh trước chuyển dần sang màu nền rồi từ màu nền chuyển dần sang ảnh sau (màu nền sẽ đề cập ở dưới).
  - **Transit the current frame to black**: Ảnh trước chuyển dần sang màu đen rồi từ màu đen chuyển dần sang ảnh sau.
  - **Transit the current frame to white**: Ảnh trước chuyển dần sang màu trắng rồi từ màu trắng chuyển dần sang ảnh sau.
  - **Canvas**: Kích thước ảnh. Khung sổ tùy chọn gồm:
    - The first photo's size** (sẽ lấy kích thước ảnh đầu tiên làm kích thước chung cho các ảnh còn lại)
    - The biggest photo's size** (sẽ lấy kích thước ảnh lớn nhất làm kích thước chung cho các ảnh còn lại)

**The smallest photo's size** (sẽ lấy kích thước ảnh nhỏ nhất làm kích thước chung cho các ảnh còn lại)

**Set the canvas size** (tự chọn kích thước mong muốn)

- **Thanh trượt:** Tùy chỉnh kích thước ảnh (resize)
- **Resize Ratio:** Cho biết tỉ lệ resize so với kích thước gốc.
- **Background Color:** Tùy chọn màu nền (phục vụ cho mục Change Effect ở trên).
- Stretch, Paper Full, Image Full (No Enlargement - Không phóng lớn ảnh),
- **Photo Align:** Vị trí ảnh (canh lề).
- Sau khi thiết lập xong rồi thì **Save** lại.

### C. Một số tính năng khác

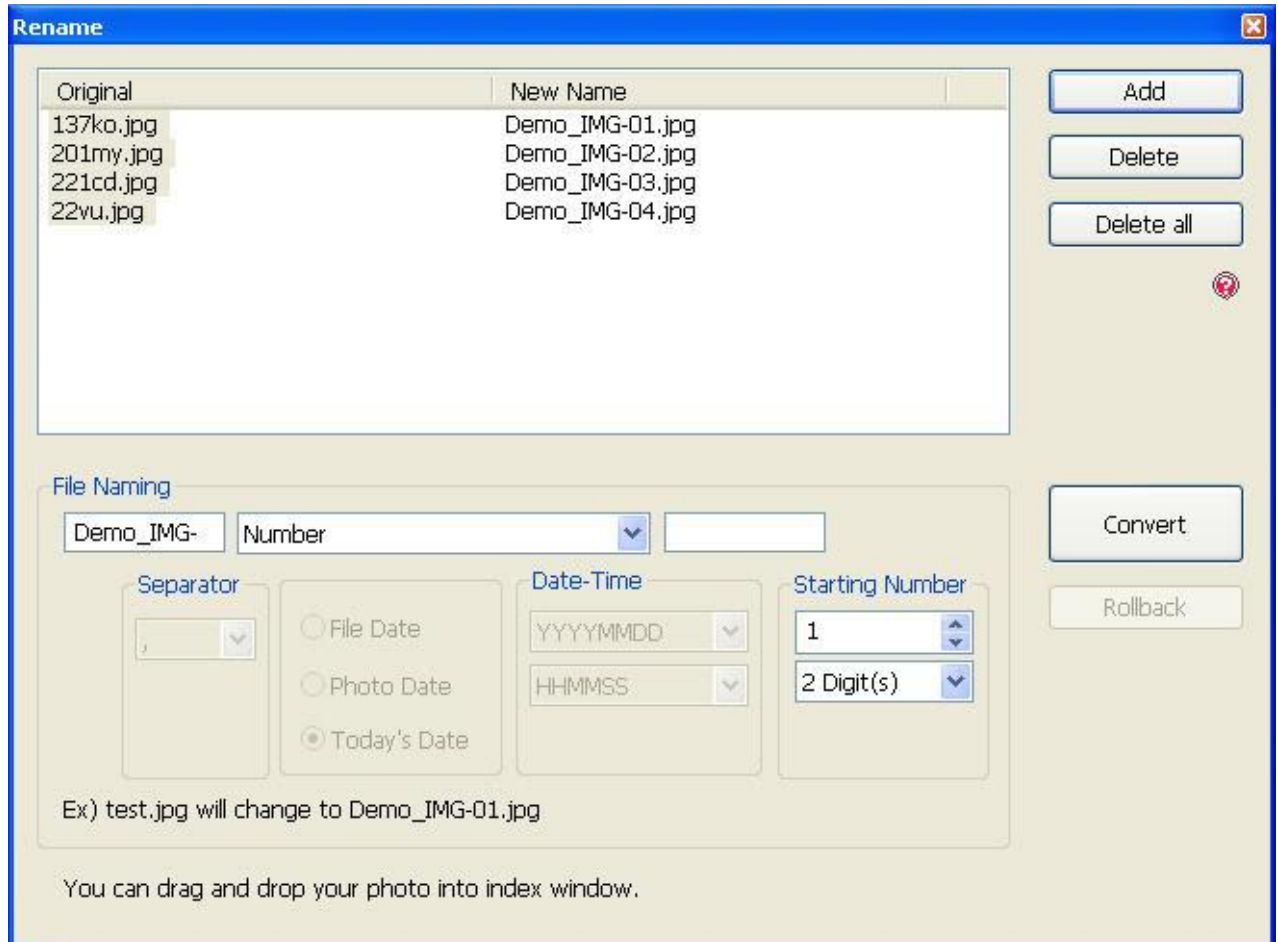


Tab **PhotoScape** giúp hiển thị các tính năng để thực hiện trước:

I. **HomePage**: Đến trang chủ của **PhotoScape** (<http://www.photoscape.org>)

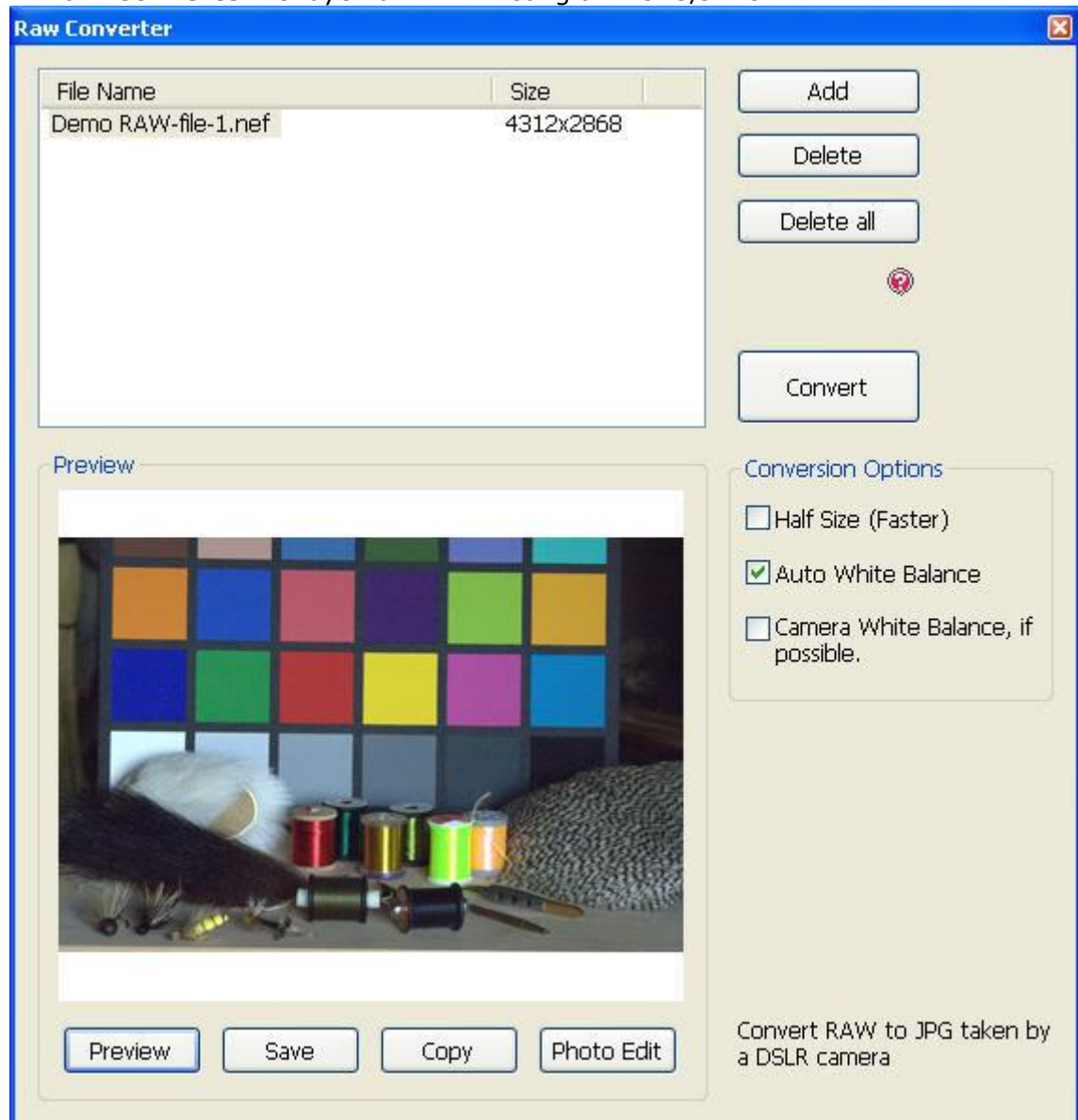


## II. Rename: Đổi tên ảnh



1. Bấm nút **Add** để chọn ảnh muốn đổi tên và OK để chấp nhận các ảnh đã chọn. Có thể chọn từng ảnh hoặc hàng loạt bằng cách:
  - Ctrl + A (chọn hết số ảnh có trong thư mục tương ứng)
  - Ctrl + Click (chọn nhiều ảnh theo phương pháp chọn từng ảnh)
  - Shift + Click (click chọn ảnh đầu rồi giữ phím Shift Click chọn ảnh cuối - nó sẽ gom các ảnh lại theo đường chéo hình chữ nhật hoặc vuông)
  - Giữ trái chuột và rê chuột (kéo chuột) để khoanh vùng ảnh muốn chọn
  - Phối hợp Rê chuột chọn vùng cùng phím Ctrl. Giữ trái chuột và rê chọn vùng ảnh 1 (một), sau đó giữ phím Ctrl rồi giữ trái chuột và rê để chọn vùng ảnh 2 (hai). Lặp lại nhiều lần để có nhiều vùng
2. Sau khi chọn ảnh xong ta sẽ có một bảng liệt kê các ảnh đã chọn, trong khung liệt kê tên ảnh đó có 2 cột, cột **Original** (Gốc) cho biết tên gốc của ảnh và **New Name** là tên mới. Bạn có thể bỏ bớt ảnh trong khung bằng cách chọn ảnh cần bỏ rồi click **Delete** hoặc bấm **Add** để thêm ảnh
3. Phần **File Naming** gồm 3 khung: (Vị trí mỗi khung sẽ hiển thị theo thứ tự trước sau)
  - Khung đầu ta sẽ ghi tên mong muốn. Ví dụ chọn tên là Demo\_IMG-
  - Khung thứ hai là một dạng menu sổ, chọn Number
  - Khung thứ ba có thể ghi chữ tùy chọn
4. Phần **Separator** (Phân cách) dùng để tạo các dấu phân cách như: Gạch nối ngắn (-), gạch nối dài (\_), phẩy (,), chấm (.). Phần này trong ví dụ không có (do chọn Number)
5. Phần **Date-Time** để xác định kiểu dữ liệu Ngày-Tháng-Năm
6. Phần **Starting Number** dùng để đánh số cho ảnh, khung trên là số bắt đầu và khung dưới là số lượng số 0 (zero) sẽ được bù vào cho đủ số đã chọn. Ví dụ chọn là 3 thì sẽ như sau: 001, 002, 003,... Trong ví dụ chọn số lượng là 2
7. Sau khi đã tùy chọn xong thì bấm **Convert** để chương trình thao tác. Nếu cảm thấy khi tùy chọn thiếu cái gì đó thì click **Rollback** để quay lại. Click nút **X** để tắt khung **Rename**

### III. **Raw Converter**: Chuyển ảnh .RAW sang ảnh .JPG/JPEG

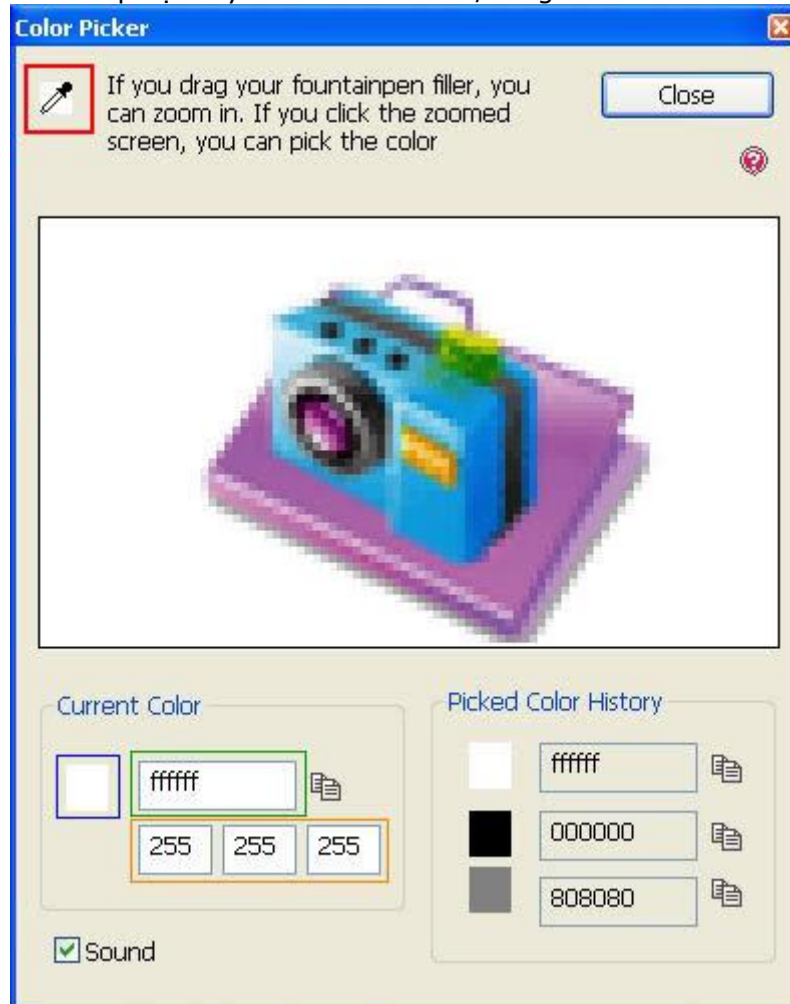


1. Trước khi tìm hiểu tính năng này thì chúng ta cũng nên có chút kiến thức về định dạng ảnh **.RAW**:  
**Raw** là một định dạng ảnh kỹ thuật số chứa dữ liệu gốc khi máy bắt ảnh và dữ liệu thô này chưa hề qua một công đoạn xử lý nào. Thế nhưng, đến nay, chưa từng có một chuẩn mực nào dành riêng cho định dạng ảnh này, nhiều khi nó còn khác nhau giữa 2 model máy ảnh của cùng một hãng sản xuất...
2. Tính năng của mục này là giúp bạn **Convert** ảnh từ định dạng **Raw** sang **JPG/JPEG**. Hỗ trợ các máy ảnh như: Canon, Fuji, Kodak, Nikon, Sony,...
3. Click **Add** để chọn các ảnh **.raw** muốn chuyển sang **jpg/jpeg**. Có thể Add nhiều ảnh một lần.
4. **Conversion Options**: Các thiết lập tùy chỉnh. Tick vào ô vuông nhỏ để chọn.
  - **Half Size (Faster)**: Ảnh sau khi convert sẽ có size bằng một nửa kích thước ảnh gốc.
  - **Auto White Balance**: Chế độ tự động cân bằng trắng (khái niệm này không dễ cập vì nó khá dài)
  - **Camera White Balance, if possible**: Cân bằng trắng nếu có thể (dịch xuôi: Nếu có thể cân bằng trắng được thì hãy thực hiện).
5. Khung **Preview** cho phép bạn xem trước kết quả ảnh. Sau khi Add ảnh thì click chọn ảnh muốn xem trước (trong trường hợp Add nhiều ảnh) rồi Click Preview để nó load ảnh.
6. **Save** để save ảnh vào máy ở dạng jpeg/jpg.
7. **Copy** ảnh vào Clipboard.

8. **Photo Edit** để bạn tiến hành chỉnh sửa ảnh (Ảnh này đã là định dạng jpeg/jpg).
9. **Convert** giúp bạn tiến hành chuyển ảnh sang định dạng jpeg/jpg.



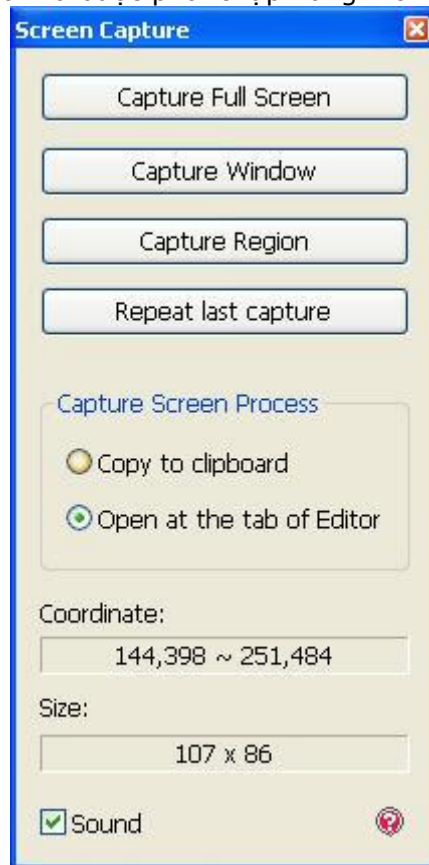
#### IV. **Color Picker**: Giúp bạn lấy mã màu của ảnh/vùng



- Giữ chuột lên ống nhỏ giọt (**khoanh vùng đỏ**), sau đó rê chuột tới vùng muốn lấy mã màu để đánh dấu. Nhả chuột ra, khi đó, trong khung **Color Picker** sẽ xuất hiện vùng được đánh dấu. Rê chuột vào nơi muốn lấy mã màu và click trái chuột để chấm điểm (xác định) màu muốn lấy
- **Current Color**: Cho bạn biết nơi con hiện đang đứng có màu gì (khung này không cố định được do nó chạy màu theo trỏ chuột). Phần này gồm 3 phần chính: 1 ô vuông hiển thị màu (**khoanh vùng xanh dương**), 1 khung hiển thị mã màu **HEX** (**khoanh vùng xanh lá**), 1 khung hiển thị mã màu **RGB** (**khoanh vùng cam**)
- **Picked Color History**: Sau khi click chuột chấm điểm thì thông số màu điểm bạn chấm sẽ hiển thị ở đây. Thông tin mới nhất sẽ nằm trên cùng.
- Biểu tượng 2 tờ giấy nằm chồng nhau là để **COPY** vào Clipboard.

#### V. **Screen Capture:** Chụp ảnh màn hình

Tính năng này trong PhotoScape chưa được hay lắm. Khi đã vào chế độ chụp thì bấm phím Esc nó không chịu nhả mà buộc phải chụp xong mới chịu nhả ra.



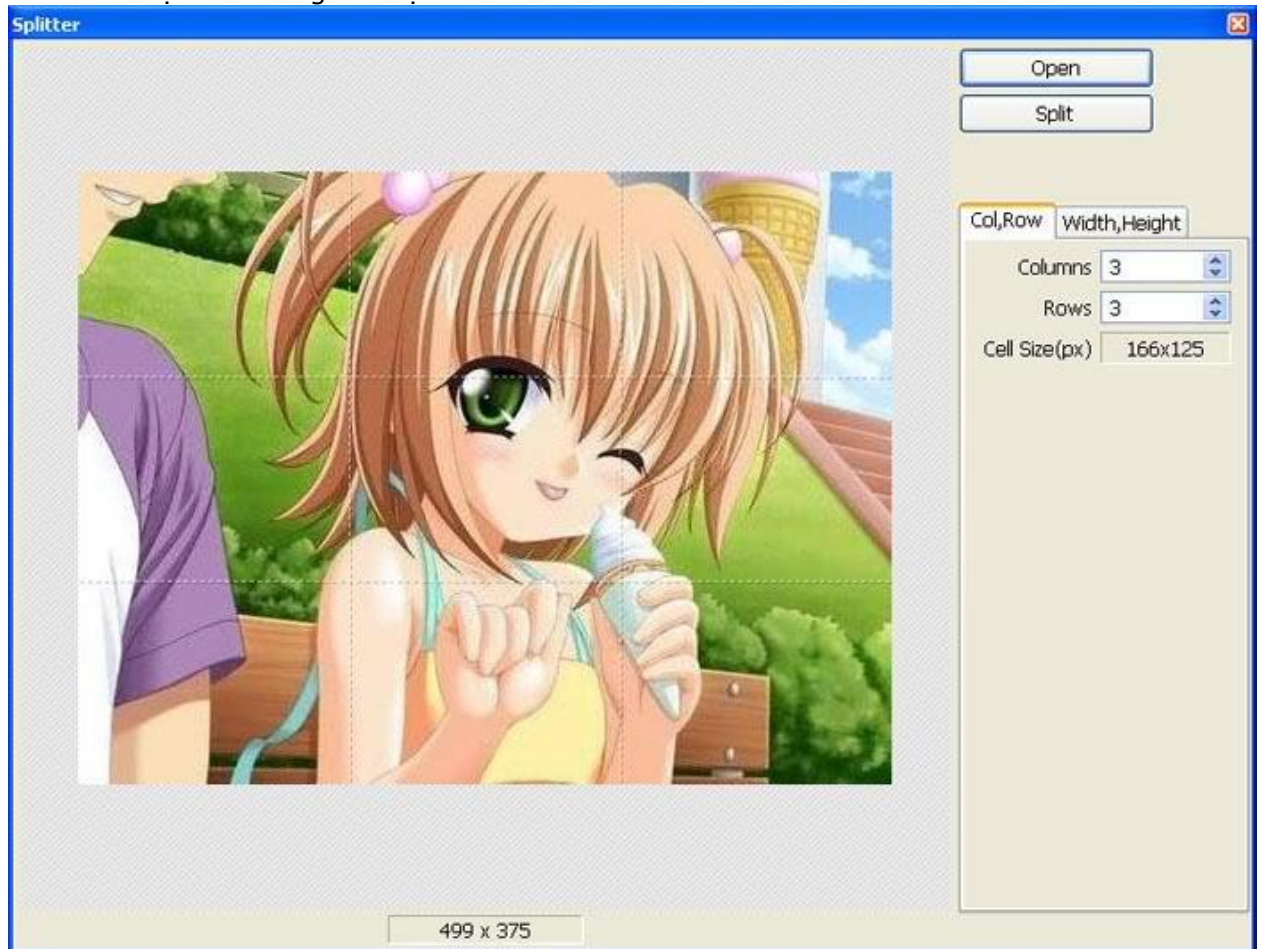
- **Capture Full Sceen:** Chụp toàn màn hình
- **Capture Window:** Chụp ảnh cửa sổ WIN
- **Capture Region:** Chụp ảnh vùng lựa chọn. Click chuột một lần lên vùng chụp để đánh dấu cột mốc, rê chuột để tạo thành 1 vùng có điểm gốc là điểm đánh dấu ban đầu
- **Repeate last capture:** Lặp lại hình chụp cuối cùng.
- **Capture Screen Process** gồm 2 mục:
  - + **Copy to clipboard:** Copy vào Clipboard
  - + **Open at the tab of Editor:** Chụp và mở ảnh đã chụp trên Tab Editor (sửa ảnh trước khi save)

V. **Splitter**: Cắt ảnh/chia ảnh thành nhiều phần

- Click Open để mở ảnh cần cắt ra

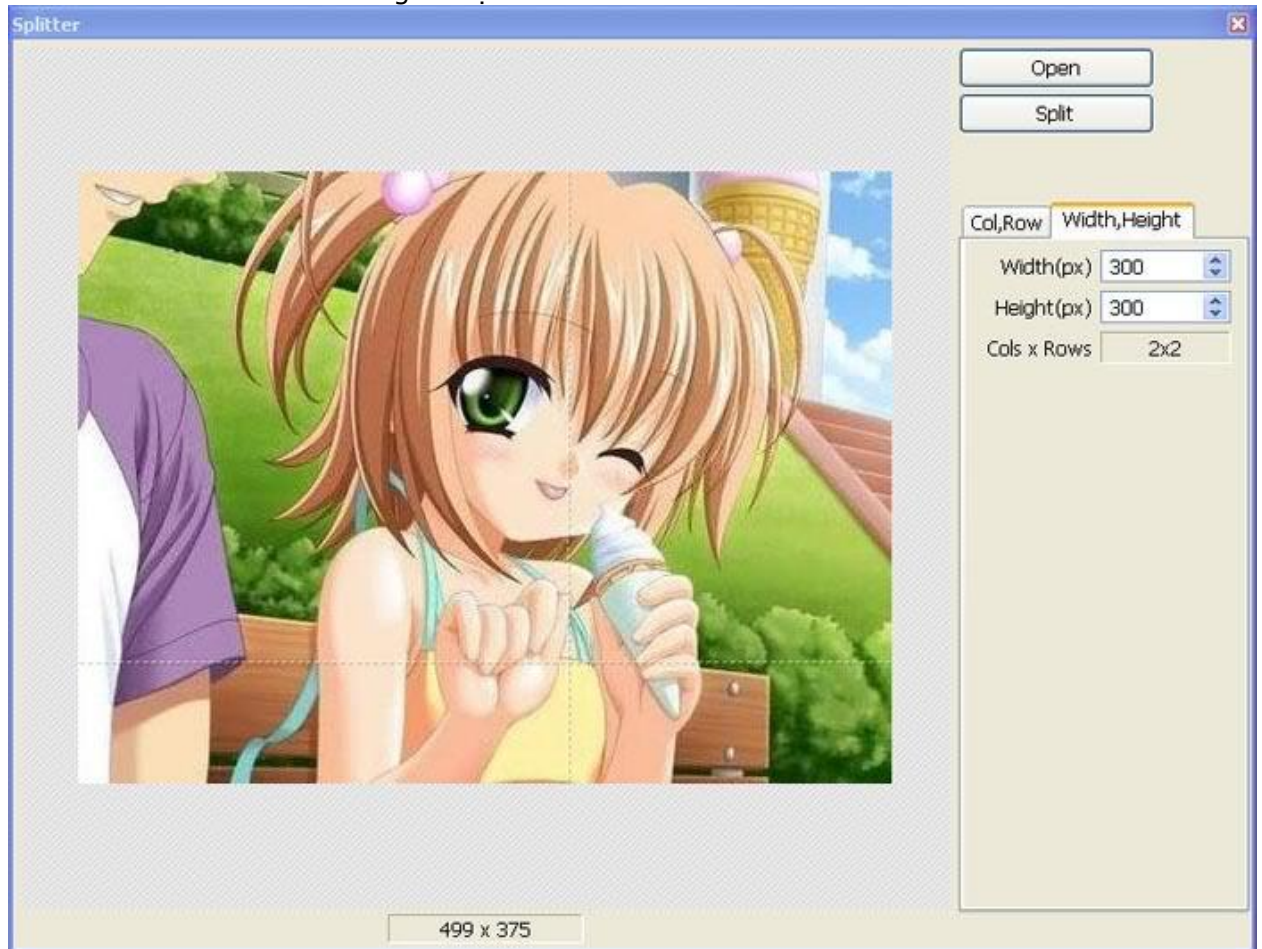
- Cột phải có hai tab: **Col,Row** và **Width,Height**

- + Tab **Col,Row** sẽ chia tấm ảnh thành hàng và cột. Các ô tạo bởi các đường kẻ dọc, ngang này sẽ có kích thước bằng nhau. Việc canh chỉnh kích thước là hoàn toàn tự động, bạn chỉ cần xác định muốn có bao nhiêu ô (hoặc bao nhiêu hàng, cột là xong việc). Trong tab **Col,Row** ta có khung **Columns** để xác định số cột muốn chia, khung **Rows** để xác định số hàng muốn chia và **Cell Size(px)** là kích thước mỗi ô được tính bằng đơn vị **PIXEL**



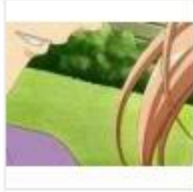


+ Tab **Width,Height** cũng chia tấm ảnh thành hàng và cột nhưng lại tác động tới kích thước ô chứ không theo kiểu chia cho đều như Col,Row. Ví dụ: Chọn kích thước là 300x300 thì ô sẽ có **Width** = 300px và **Height** = 300px. Ngoài ra, thứ tự ưu tiên kích thước là từ trái qua, từ trên xuống. Vd: Có 1 ảnh gốc là 500x500, thiết lập chia trong tab **Width,Height** là 300x300 thì sẽ được một ô có size là 300x300, các ô còn lại (200px) sẽ tạo thành các ô có kích thước thiếu. Trong tab **Width, Height** ta có khung **Width (px)** để xác định chiều rộng ô, **Height (px)** xác định chiều cao ô và **Cols x Rows** là số hàng và cột.

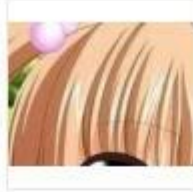


- Sau khi xác định xong thông số thì Click **Split** để chia ảnh. Một bảng mới hiện ra với 3 vùng tùy chọn
- + **Location of Saved files:** Nơi lưu file tạo thành
- + **Image Format:** Định dạng File xuất ra. **Original Format** (giữ nguyên định dạng File của ảnh gốc), **JPG, PNG, BMP** và **GIF**
- + **JPEG Quality** (chỉ dùng được cho định dạng ảnh JPEG/JPG): Tùy chọn chất lượng ảnh xuất ra.
- Click **Split** thêm một lần nữa để thực hiện thao tác

Kết quả:



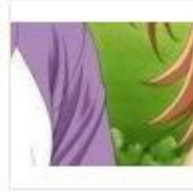
Demo\_IMG-17\_001.jpg



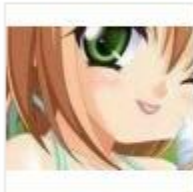
Demo\_IMG-17\_002.jpg



Demo\_IMG-17\_003.jpg



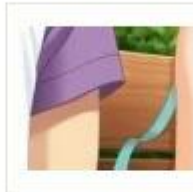
Demo\_IMG-17\_004.jpg



Demo\_IMG-17\_005.jpg



Demo\_IMG-17\_006.jpg



Demo\_IMG-17\_007.jpg



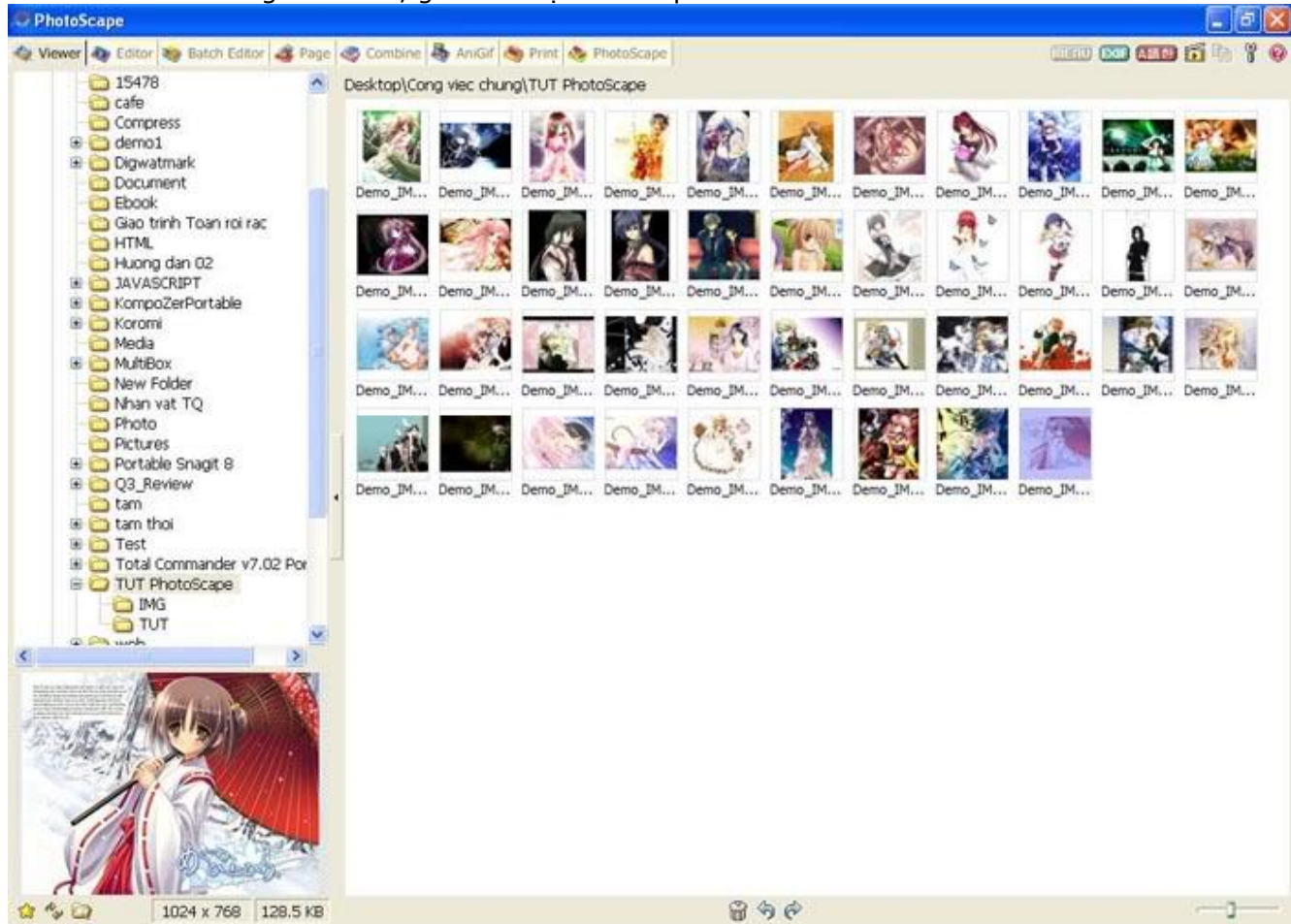
Demo\_IMG-17\_008.jpg



Demo\_IMG-17\_009.jpg



VI. **Viewer:** Chức năng xem ảnh, gồm hai cột trái và phải.



1. Cột trái hiển thị **Cây thư mục**, **Ảnh xem trước** (Thumbnails), Thông số ảnh, **Folder Favorites** (hình ngôi sao nhỏ màu vàng nằm sát góc trái-dưới), **Refresh**, **Explore Folder**

- + **Cây thư mục**: Hiển thị toàn bộ các thư mục có thể thấy (thư mục không đang trong chế độ ẩn)

- + **Ảnh xem trước** (thumbnails): Một ảnh nhỏ được hiển thị khi ta click chuột lên ảnh tương ứng (giống trong WIN)

- + **Thông số ảnh**: Dung lượng ảnh và kích thước ảnh

- + **Folder Favorites**: Thư mục yêu thích, tính năng này giúp bạn tìm tới thư mục đã được đánh dấu một cách nhanh chóng. Click vào hình ngôi sao và chọn **Add your folder to Favorites** để thêm thư mục đang xem (thư mục được chọn trong cây thư mục). Sau đó, ta sẽ có thêm mục **Folder Favorites Manager...** trong hình ngôi sao. Click vào **Folder Favorites Manager...** ta sẽ được một trang quản lý các thư mục đã add vào **Favorites** (gồm các tùy chọn **Up**, **Down**, **Delete**, **Delete All**,...)

- + **Refresh**: Hình mũi tên xoay vòng (nằm cạnh **Folder Favorites**), gồm 2 tùy chọn **Refresh** (F5) hoặc **Refresh Cache** (Ctrl + F5). Refresh (làm tươi) là cập nhật thông thường còn Refresh Cache sẽ cập nhật lại toàn bộ.



2. Cột phải hiển thị những hình ảnh mà chương trình bắt được trong các thư mục tương ứng (thư mục được chọn bên cột trái), Thùng rác, Hai phím xoay chiều ảnh, Phóng to/thu nhỏ các ảnh thumbnails

+ **Xem ảnh:**

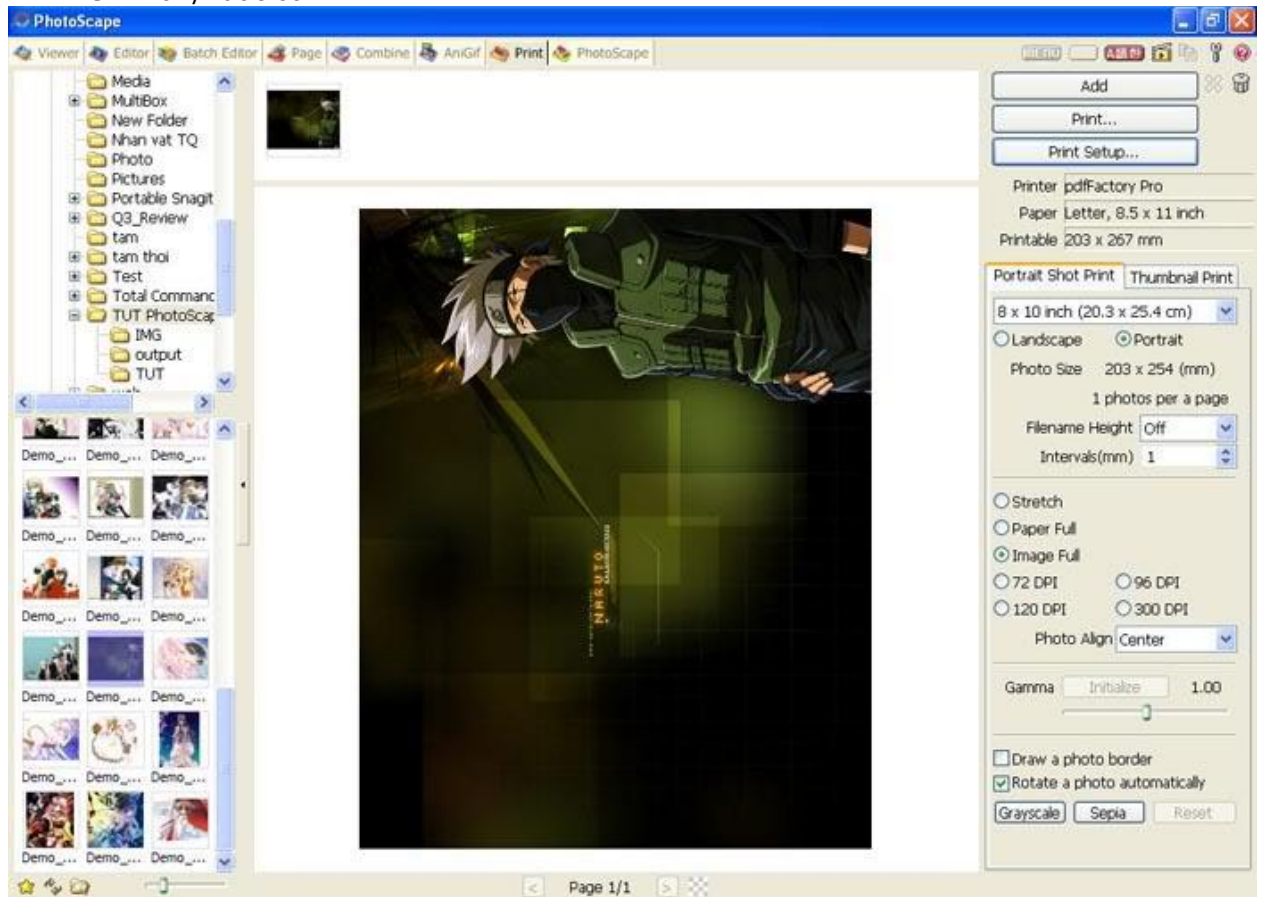
- Khi click trái 1 lần bất kì ảnh nào nó sẽ hiện ảnh xem trước (thumbnails) và thông số bên cột trái
- Nếu **Double Click** nó sẽ xuất hiện một trang xem ảnh. Dùng phím mũi tên trái-phải để chuyển ảnh và trên-dưới để phóng to/thu nhỏ kích thước ảnh.
- Để thoát chế độ xem ảnh có thể double click vào màn hình ở vị trí bất kì hoặc bấm phím **Esc**

+ **Thùng rác:** Click chọn ảnh và click vào thùng rác để xoá ảnh đã chọn. Có thể dùng phím **Delete** trên bàn phím cho nhanh.

+ **Hai phím xoay chiều ảnh:** Giúp xoay trái/phải ảnh đã chọn.

+ **Phóng to/thu nhỏ các ảnh thumbnails:** Kéo thanh trượt sang trái để thu nhỏ và sang phải để phóng to.

## VII. **Print:** In ấn/xuất bản



1. Click **Add > Add a photo** để chọn ảnh cần in ra. Sau khi OK chọn ảnh sẽ có một hộp thoại hỏi "**The number of copies**" thì bạn chọn con số cho phù hợp với nhu cầu. Vd: Muốn in ra 3 bản giống nhau thì điền 3 vào khung "How many copies, do you want to add?". Tuy nhiên, cần lưu ý: Số lượng ảnh trên 1 trang (page) phụ thuộc vào kích thước của ảnh

Hoặc bạn có thể sổ cây thư mục bên cột trái chọn thư mục chứa hình, giữ chuột lên hình muốn in rồi kéo qua cột giữa, nhả chuột (tính năng Drag&Drop) để thêm hình.

2. Cột giữa hiển thị (**preview**) các thiết lập của bạn

3. Cột phải có các mục sau: (sau khi đã add hình vào)

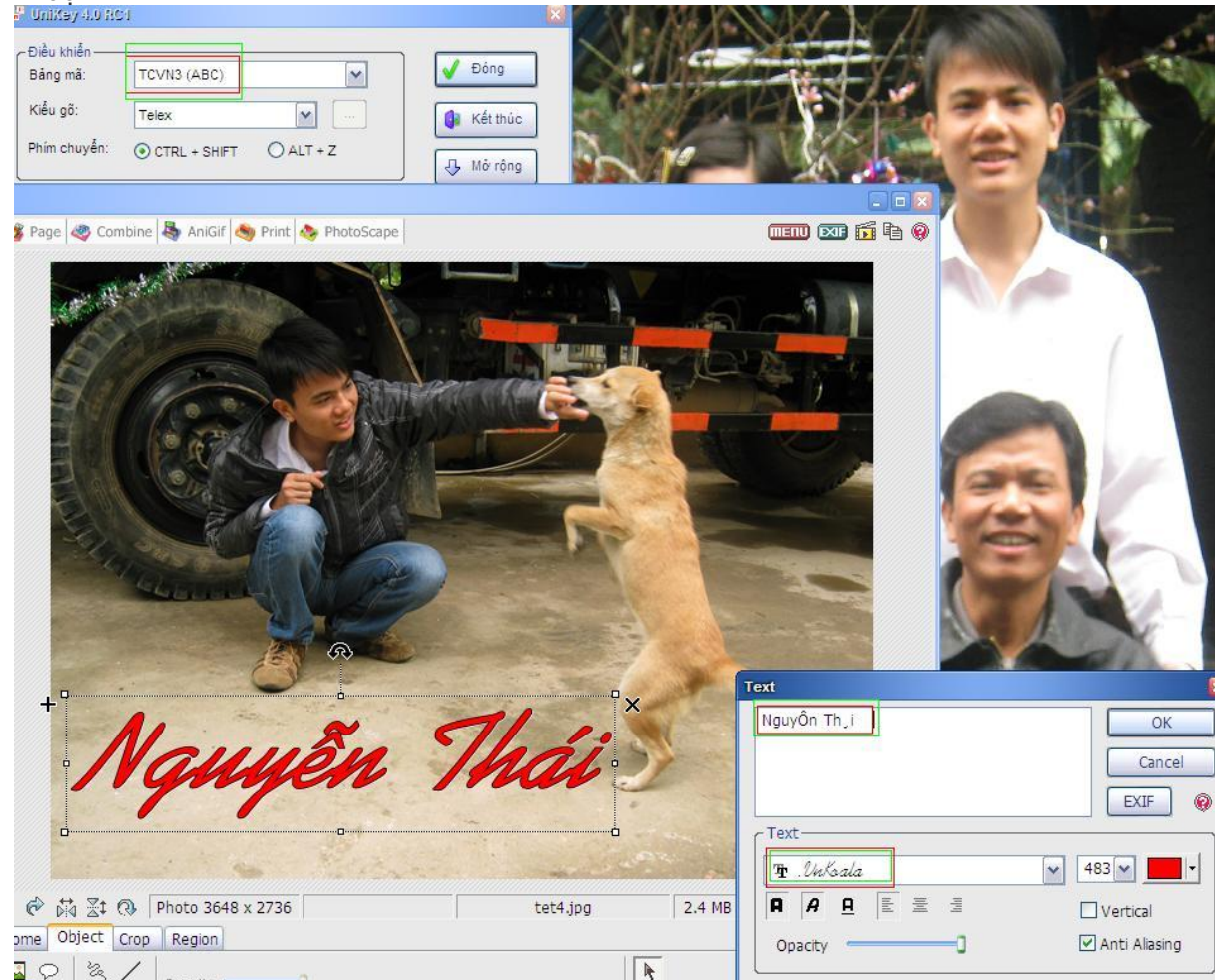
- **Add**: Thêm hình
- **Print...**: Tiến hành in hình ra
- **Print Setup...**: Các thiết lập cho sự kiện in ấn (cái này bạn nào có máy in là biết)
- **Printer**: Tên máy in (không phải tên của máy in thật mà là tên của một chương trình in - nói thế cho dễ hiểu). Phần này phụ thuộc việc thiết lập trong mục **Print Setup**
- **Paper**: Loại trang in. Phần này phụ thuộc việc thiết lập trong mục **Print Setup**
- **Printable**: Kích thước trang in
- **Tab Potrait Shot Print**:
  - + Khung menu sổ xuống để bạn chọn kích thước ảnh sẽ in ra trên 1 trang giấy (page)
  - + **Landscape**: trang giấy ngang
  - + **Portrait**: Trang giấy dọc
  - + **Photo Size**: Kích thước hình trên trang in, tính bằng milimet. Khung dưới Photo Size cho biết số ảnh trên trang (ứng với size ảnh)
  - + **Filename Height**: Tên ảnh (nếu không muốn in cả tên ảnh thì chọn Off - mặc định Off)
  - + **Intervals(mm)**: Khoảng cách giữa các ảnh. Chỉ tác dụng khi có từ 2 ảnh trở lên
  - + **Stretch**: Giãn ảnh ra (tính năng này không nên dùng vì có thể khiến ảnh bị méo)
  - + **Paper Full**: Dàn ảnh ra cho đầy vùng chứa (tính năng này không gây méo ảnh nhưng lại gây hụt (mất) một phần nào đó của ảnh)
  - + **Image Full**: Dàn ảnh ra với kích thước tỉ lệ với vùng chứa ảnh (toàn vẹn ảnh)
  - + **72/96/120/300 DPI**: Số điểm ảnh trên một INCH (DPI = Dots Per Inch). DPI càng cao thì ảnh khi in ra càng sắc nét
  - + **Photo Align**: Vị trí ảnh (canh lề)
  - + **Gamma**: Canh chỉnh độ sáng cho ảnh, nút Initialize giúp bạn đưa độ sáng về độ sáng gốc của ảnh
  - + **Draw a photo border**: Tạo đường viền cho ảnh khi in ra
  - + **Rotate a photo automatically**: Tự động xoay chiều ảnh
  - + **Grayscale**: Thang độ xám, tác dụng đưa ảnh thành trắng-đen thay vì màu
  - + **Sepia**: Màu Sepia (Sepia còn có thể là màu được tinh chế bằng chất mực của con mực, có màu nâu đen)
  - + **Reset**: Trả lại màu vốn có
- Tab **Thumbnail Print**: Những phần nào tương tự đã nêu trong Tab Shot Print sẽ không nhắc lại
  - + **Rows per a page**: Số hàng trong một trang
  - + **Columns per a page**: Số cột trong một trangNếu số hàng bằng số cột là 1 thì ảnh sẽ trọn một trang giấy với kích thước tương ứng tỉ lệ. Khi đó, nếu chọn nhiều hình thì sẽ in ra nhiều trang (mỗi trang 1 hình) thay vì nhiều hình 1 trang
- Thiết lập xong rồi thì Click **Print...** để thực hiện.

### Lưu ý khi sử dụng PhotoScape:

+ Tên Ảnh không viết dưới dạng tiếng Việt có dấu. Nếu tên ảnh dưới dạng tiếng Việt thì phần mềm không nhận ảnh. Điều này đồng nghĩa thư mục chứa ảnh cũng không có dấu → Cây thư mục cũng vậy

+ Nếu gặp khó khăn trong viết Tiếng Việt vào đoạn Text hãy chuyển chế độ gõ từ **Unicode** sang **TCVN3 (ABC)** hoặc **VNI** đối với UniKey và cả VietKey

Ví dụ:



Trích: Sưu tầm trên Internet